

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ NÂNG VÀ CÔNG NGHIỆP VCS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ NÂNG VÀ CÔNG NGHIỆP VCS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VCS LIFTING EQUIPMENT AND INDUSTRIAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VCS LEI., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108157951

3. Ngày thành lập: 05/02/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Cụm 3, Thôn Vĩnh Ninh, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
2.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
3.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
4.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
5.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
6.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
7.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
8.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
9.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
10.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
11.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
12.	Đóng tàu và cầu kiện nổi	3011
13.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
14.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
15.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
16.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
17.	Phá dỡ	4311
18.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
19.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750

20.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
21.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
22.	Sản xuất máy luyện kim	2823
23.	Sản xuất thân xe có động cơ, rô moóc và bán rô moóc	2920
24.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
25.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
26.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
27.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
28.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
29.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
31.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
32.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng)	4662
33.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
34.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
35.	Cho thuê xe có động cơ	7710
36.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
37.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
38.	Đúc sắt, thép	2431
39.	Đúc kim loại màu	2432
40.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
41.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
42.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
43.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
44.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
45.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
46.	Sản xuất xe có động cơ	2910
47.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
48.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
49.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
50.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
51.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
52.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
53.	Xây dựng nhà các loại	4100

54.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
55.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
57.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
59.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
60.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
61.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816(Chính)
62.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
63.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
64.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
65.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
66.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THUẬN	Cụm 3, Thôn Vĩnh Ninh, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	0011850114 34	
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000		
2	NGUYỄN HUY HÒA	Cụm 3, Thôn Vĩnh Ninh, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	90,000	0010870182 19	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	90,000		

3	ĐỖ THỊ THẢO	Cụm 3, Thôn Vĩnh Ninh, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	012663743	
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HUY HÒA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/03/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001087018219

Ngày cấp: 05/04/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 3, Thôn Vĩnh Ninh, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Cụm 3, Thôn Vĩnh Ninh, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội